

Số: 282 /QĐ-UBND

Bình Phước, ngày 22 tháng 02 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt và công bố Chỉ số cải cách hành chính năm 2023 của các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh và UBND các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh Bình Phước

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Quyết định số 1492/QĐ-UBND ngày 14/9/2023 của UBND tỉnh phê duyệt Đề án "Xác định Chỉ số cải cách hành chính của các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố và UBND các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh";

Căn cứ Kế hoạch số 320/KH-UBND ngày 16/10/2023 của UBND tỉnh về việc triển khai xác định Chỉ số cải cách hành chính năm 2023 của các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố và UBND các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh;

Theo đề nghị của Hội đồng Thẩm định tại Tờ trình số 224/TTr-HĐTĐ ngày 19/02/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt và công bố Chỉ số cải cách hành chính năm 2023 của các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh (kể cả Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh) và UBND các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh (có phụ lục kèm theo).

Điều 2. Căn cứ kết quả Chỉ số cải cách hành chính năm 2023:

1. Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, Trưởng ban Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh và Chủ tịch UBND huyện, thị xã, thành phố tổ chức quán triệt, rút kinh nghiệm, có giải pháp đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao Chỉ số cải cách hành chính năm 2024; đồng thời, lấy kết quả này làm cơ sở để đánh giá năng lực chỉ đạo, điều hành và trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan hành chính các cấp và là một trong những tiêu chí đánh giá, bình xét danh hiệu thi đua, khen thưởng.

2. Giao Sở Nội vụ tham mưu UBND tỉnh đánh giá, xếp loại chất lượng người đứng đầu cơ quan, đơn vị, địa phương trong thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính theo Quyết định số 34/2020/QĐ-UBND ngày 29/12/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị, địa phương trong thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính trên địa bàn tỉnh

Bình Phước và Quyết định số 25/2022/QĐ-UBND ngày 28/11/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị, địa phương trong thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính trên địa bàn tỉnh theo Quyết định số 34/2020/QĐ-UBND ngày 29/12/2020.

Điều 3. Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, Trưởng ban Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Bộ Nội vụ (Vụ CCHC);
- Thường trực Tỉnh ủy,
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Ban TĐKT tỉnh;
- LĐVP, Phòng NC;
- Lưu: VT, (T20QĐ). *3TC*



Trần Tuệ Hiền

Phụ lục 1

**Kết quả Chỉ số cải cách hành chính năm 2023
của các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh**

(Phê duyệt kèm theo Quyết định số: 282 /QĐ-UBND
ngày 22 /02/2024 của UBND tỉnh)

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Điểm thẩm định	Điểm ĐTXHH	Tổng điểm	Chỉ số (%)
1	Sở Kế hoạch và Đầu tư	73,36	20,60	93,96	93,96
2	Sở Nội vụ	73,11	20,84	93,95	93,95
3	Sở Thông tin và Truyền thông	74,13	19,81	93,94	93,94
4	Sở Xây dựng	72,41	21,36	93,77	93,77
5	Sở Giao thông vận tải	71,60	21,58	93,19	93,19
6	Sở Tư pháp	71,65	20,66	92,31	92,31
7	Sở Ngoại vụ	70,21	20,15	90,36	90,36
8	Văn phòng UBND tỉnh	71,50	18,54	90,04	90,04
9	Sở Tài chính	70,90	19,13	90,03	90,03
10	Sở Giáo dục và Đào tạo	71,07	18,49	89,84	89,84
11	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	69,79	19,95	89,74	89,74
12	Sở Công Thương	69,77	19,73	89,50	89,50
13	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	69,18	18,03	87,21	87,21
14	Sở Khoa học và Công nghệ	69,81	17,39	87,20	87,20
15	Ban Dân tộc	66,91	18,21	85,12	85,12
16	Thanh tra tỉnh	65,56	19,30	84,86	84,86
17	Sở Y tế	66,33	18,49	84,82	84,82
18	Ban Quản lý Khu kinh tế	64,47	19,57	84,03	84,03
19	Sở Nông nghiệp và PTNT	59,42	20,65	80,08	80,08
20	Sở Tài nguyên và Môi trường	54,71	18,29	73,00	73,00

Phụ lục 2
Kết quả Chỉ số cải cách hành chính năm 2023
của UBND các huyện, thị xã, thành phố
(*Phê duyệt kèm theo Quyết định số 282 /QĐ-UBND*
ngày 22 / 02 /2024 của UBND tỉnh)

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Điểm thẩm định	Điểm ĐTXHH	Tổng điểm	Chỉ số (%)
1	Thành phố Đồng Xoài	77,34	17,96	95,30	95,30
2	Thị xã Phước Long	75,32	18,83	94,15	94,15
3	Huyện Phú Riềng	72,98	17,81	90,79	90,79
4	Huyện Lộc Ninh	74,50	15,94	90,45	90,45
5	Huyện Bù Đăng	74,17	16,10	90,27	90,27
6	Thị xã Bình Long	73,18	15,79	88,97	88,97
7	Huyện Đồng Phú	71,92	16,20	88,13	88,13
8	Thị xã Chơn Thành	71,86	16,21	88,07	88,07
9	Huyện Hớn Quản	71,71	15,45	87,16	87,16
10	Huyện Bù Đốp	68,40	16,86	85,26	85,26
11	Huyện Bù Gia Mập	67,98	16,08	84,06	84,06

